

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						198 652	101 598	77 368			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						46 074	6 791	39 283			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>7 822</i>	<i>6 791</i>	<i>1 031</i>			
1		KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)	31/10	29/10	31/10	HD 5935	CÁM 1	2 892	2 876	16	31/10	TD	
2		VIỆT ANH	31/10	31/10	31/10	HN 2028	CỤC 4A.1	700	687	14	31/10	TD	
3		KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)	31/10	30/10	31/10	HD 3833	CÁM 1	2 250	2 190	60	31/10	TD	
4		DVVT QN	31/10	1294/10	06/11	BN 2629	CỤC XỎ 1C	1 980	1 038	942	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L2
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>38 252</i>		<i>38 252</i>			
1		ĐẠM NINH BÌNH	02/11	1357/11	17/11	NB 8901	CÁM 4A.1	2 380		2 380		HỘ LỖN	
2		ĐẠM NINH BÌNH	02/11	1356/11	17/11	NB 8611	CÁM 4A.1	3 100		3 100		HỘ LỖN	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	02/11	1358/11	09/11	VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 6A.14	22 800		22 800		HỘ LỖN	
4		ĐẠM HẢ BẮC	02/11	1359/11	17/11	TĐ 39-4	CÁM 4A.1	2 800		2 800		HỘ LỖN	
5		KDT HẢ BẮC	02/11	32/10	17/11	BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	GIA HẠN L1
6		KDT HẢ BẮC	02/11	33/10	17/11	BN 1991	CÁM 5A.1	1 650		1 650		PTCB	GIA HẠN L1
7		SÔNG HỒNG	01/11	34/10	07/11	BN 1135	CỤC XỎ 1C	910		910		TD	GIA HẠN L1
8		SÔNG HỒNG	01/11	1132/10	07/11	HD 1818	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L1
9		KDT BẮC THÁI	02/11	44/11	07/11	BN 2203	CÁM 1	1 542		1 542		TD	THAY 35/10
		<u>Tàu chuyển tải</u>						75 200	55 981	19 219			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						<i>56 000</i>	<i>55 981</i>	<i>19</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	23/10	1339/10		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 350	27 371	- 21	01/11	HỘ LỖN	KDTC: 8.582,36 - CLM: 14.011,56 - KVCP: 4.776,74
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	26/10	1343/10		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 650	28 610	40	01/11	HỘ LỖN	TTCO: 13.019 - CLM: 7.938,88 - KDTC: 3.977,75 - KVCP: 3.674,17
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	28/10	1347/10		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	29 500	28 695	805	RÓT DỖ	HỘ LỖN	TTCO: 23.000 - CLM: 2.000 - KDTC: 3.000 - KVCP:
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<i>19 200</i>		<i>19 200</i>			
1		ĐIỆN DUYỄN HẢI	02/11	1355/11		QUANG VINH 188	CÁM 5B.14	19 200		19 200		HỘ LỖN	TTHG: 10.200 - KDTC: 9.000
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						34 006	22 645	11 361			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>23 758</i>	<i>22 645</i>	<i>1 113</i>			
1		MIỀN BẮC	02/11	39	09/11	NB - 6039	CÁM 6A.1	1 729	1 712	17	02/11	PT CB	HÀ LONG - THAY TB 1184/10
2		MIỀN BẮC	02/11	40	09/11	NB - 6493	CÁM 6A.1	1 850	1 831	19	02/11	PT CB	HÀ LONG - THAY TB 1185/10
3		CROMIT CĐ	01/11	1 191	07/11	TH - 0567	CÁM 7C	1 139	1 128	11	02/11	PT CB	ĐN - CS - GIA HẠN L1
4		CP DVVT QUẢNG NINH	29/10	725	31/10	HD - 2095	CÁM 8A	1 950	1 942	8	31/10	TD	CAO SƠN - GIA HẠN L1
5		CẦU ĐUỐNG	29/10	1 100	31/10	BN - 2665	CÁM 8A	2 000	1 995	5	31/10	TD	ĐN - CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 02 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
6		CẦU ĐUÔNG	29/10	1 102	31/10	BN - 2335	CỤC 1B	1 000	997	3	31/10	TD	THỐNG NHẤT
7		CP VT THUỶ	26/10	930	31/10	BN - 2365	CỤC 1C	900	863	37	31/10	TD	MỎNG DƯƠNG
8		CẦU ĐUÔNG	26/10	579	31/10	BN - 0567	CỤC 1A	1 000	997	3	31/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
9		CẦU ĐUÔNG	30/10	1 156	31/10	BN - 2308	CÁM 8A	1 700	1 674	26	31/10	TD	
10		SÔNG HỒNG	01/11	1 132	07/11	HD - 1818	CÁM 8A	1 900	1 712	188	01/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
11		COALIMEX	01/11	1 063	07/11	BN - 2228	CÁM 8A	1 000	998	2	01/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
12		CP VT&KD THAN	01/11	1 131	07/11	BN - 1883	CÁM 8A	1 300	1 298	2	02/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
13		COALIMEX	01/11	1 152	07/11	BN - 1309	CÁM 8A	1 000	996	4	02/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
14		CP VT THUỶ	01/11	1 182	07/11	HD - 2056	CÁM 8A	1 290	1 285	5	02/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
15		MIỀN BẮC	30/10	1 159	31/10	HD - 6818	CÁM 7A	1 850	1 838	12	02/11	TD	ĐN - CS
16		HÀ NỘI	01/11	1 198	07/11	BN - 2112	CÁM 7C	1 000	992	8	02/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
17		CP ĐTTM&DV	01/11	631	07/11	BN 1468	CỤC 1B	1 150	385	765	dỡ	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
		Tàu đã làm lệnh						10 248		10 248			
1		CP ĐTTM&DV	01/11	688	07/11	BN - 2519	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
2		CP HÀNG HẢI VN	01/11	819	07/11	BN - 2397	CỤC 1B	1 016		1 016		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
3		CP VT&KD THAN	01/11	1 025	07/11	BN - 2225	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
4		CP DVVT QUẢNG NINH	01/11	1 065	07/11	BN - 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
5		CP ĐTTM&DV	01/11	1 140	07/11	BN - 0979	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	CAO SƠN - GIA HẠN L1
6		THANH HOÁ	01/11	1 174	07/11	BN - 1336	CÁM 7C	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
7		CP SX TM THAN UÔNG BÍ	01/11	1 181	07/11	BN - 2227	CÁM 7C	1 932		1 932		TD	CAO SƠN - GIA HẠN L1
8		HÀ NỘI	02/11	1 189	09/11	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
9		CP VT&KD THAN	02/11	42	09/11	BN - 0869	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
III		KHO BẢO NGUYỄN						1 000	993	7			
		Tàu đã làm hàng						1 000	993	7			
1		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	25/10	891/10	31/10	BN 1368	CỤC XỐ 1B	1 000	993	7	31/10	TD	
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						19 686	12 439	7 247			
		Tàu đã làm hàng						15 948	12 439	3 509			
1		KDT HÀ BẮC	30/10	1 134	31/10	BN 2555	CÁM 5B.1	2 600	2 598	2	31/10	PTCB	
2		CBT QUẢNG NINH	30/10	1 153	31/10	QN 8068	CÁM 6A.1	970	964	6	31/10	PTCB	
3		CBT QUẢNG NINH	01/11	37	07/11	QN 8698	CÁM 6A.1	3 372	3 256	116	01/11	PTCB	
4		CROMIT CĐ	01/11	1 195	07/11	HP 5799	CÁM 6B.1	3 526	3 520	6	02/11	PTCB	GIA HẠN L1

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 11 NĂM 2025

[illegible]